

Số: 290/BC-UBND

Uông Bí, ngày 06 tháng 4 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện Đề án đào tạo bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh (Đề án 293)**

Thực hiện Công văn số 661/SNV-VP ngày 30/3/2020 của Sở Nội vụ v/v báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Đề án 293, Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí báo cáo cụ thể như sau:

#### **I. Về xây dựng và chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực đến năm 2020**

Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Chương trình hành động số 28-CTr/TU, ngày 25/9/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao*”, Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Kế hoạch số 99-KH/TU, ngày 08/10/2014 triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố. Tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt học tập, quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU với sự tham dự của 250 người (đạt tỷ lệ 96,8%); đồng thời chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từ thành phố đến cơ sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức quán triệt sâu sắc các nội dung Nghị quyết số 15-NQ/TU của Tỉnh ủy gắn với Kế hoạch số 99-KH/TU của Thành ủy về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; các cơ sở giáo dục đào tạo và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn thông qua nhiều hình thức phong phú như lồng ghép các buổi sinh hoạt chi bộ, hội nghị thôn, khu phố; chỉ đạo các xã, phường và các khu phố trực tiếp tuyên truyền qua hệ thống loa phát thanh đến 100% thôn, khu dân cư...

Căn cứ các Đề án, kế hoạch và chính sách của UBND tỉnh đã ban hành, Ủy ban nhân dân thành phố đã triển khai đến các phòng, ban, đơn vị tiến hành rà soát, tổng hợp, đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn mới; đồng thời UBND thành phố đã xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế của địa phương<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Công văn số 872/UBND ngày 26/5/2016 của UBND thành phố về việc xây dựng Kế hoạch đào tạo - bồi dưỡng giai đoạn 2016 - 2020.

Công văn 921/UBND ngày 02/6/2016 của UBND thành phố về việc đăng ký tham gia các lớp quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên, chuyên viên chính năm 2016.

Công văn số 1462/UBND-NV ngày 18/8/2016 của UBND thành phố về việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã năm 2017.

Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 23/02/2017 bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức tại các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, phường năm 2017.

Căn cứ Kế hoạch số 01-KH/BTCTU ngày 20/01/2020 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 10/01/2020 của UBND tỉnh, Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 16/12/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về phương hướng, nhiệm vụ năm 2020, Ủy ban nhân dân thành phố đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 22/01/2020 triển khai thực hiện chủ đề công tác năm 2020 về “*Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*”. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường xây dựng Kế hoạch thực hiện cụ thể phù hợp với từng đơn vị. Đến nay 100% các phòng, ban, đơn vị đã xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.

Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 17/02/2020 của UBND thành phố Uông Bí về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động năm 2020, quán triệt đến toàn thể CBCCVV thực hiện.

## **II. Kết quả thực hiện**

### **1. Kết quả thực hiện mục tiêu về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực**

Nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò nhân lực trong phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, Thành ủy Uông Bí đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai, tổ chức thực hiện. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015-2020 và các Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ hàng năm đều xác định nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một trong ba khâu đột phá chiến lược, có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của thành phố; đồng thời các nghị quyết đều quan tâm đưa hệ thống các chỉ tiêu về giáo dục đào tạo, giải quyết việc làm, tỷ lệ lao động qua đào tạo, dân số... để triển khai thực hiện. Kỳ họp thứ 16 ngày 22/7/2015 của Hội đồng nhân dân thành phố Uông Bí, khóa XVIII ban hành Nghị quyết số 589/2015/NQ-HĐND về việc thông qua Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Uông Bí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; UBND thành phố thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Uông Bí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030...

- Việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu Chương trình hành động số 44-CTr/TU ngày 22/7/2014 của BCH Đảng bộ thành phố thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 09/6/2014 của BCH Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đến năm 2020, đề ra một số chỉ tiêu đến năm 2020 (*Chỉ tiêu đề ra: Tổng số lao động cần có tối thiểu 72.000 người, trong đó số lao động mới là 9.000 người, lao động cần đào tạo bổ sung chiếm 13,1%. Tỷ trọng lao động ở khu vực I chiếm 20%, khu vực II chiếm 50%, khu vực III chiếm 30%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 89%, trong đó đào tạo nghề 70%. Có 6% cán bộ, công chức, viên chức đạt trình độ sau đại học. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu phát triển, có đủ trình độ, năng lực, phẩm chất chính trị, cơ cấu đồng bộ, hợp lý*). Kết quả thực hiện như sau:

---

Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 10/4/2018 V/v bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các phòng, ban, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường thuộc Ủy ban nhân dân thành phố năm 2018.

+ Tổng số lao động đến hết năm 2019 là 69.829, đến năm 2020 dự kiến đạt 72.000 người (*dự kiến đạt chỉ tiêu đề ra*).

+ Tỷ trọng lao động KVI: 20,1%; KVII: 50,8%; KVIII: 29,1%; đến năm 2020 dự kiến KVI: 20%; KVII: 50%; KVIII: 30% (*dự kiến đạt chỉ tiêu đề ra*).

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2019 đạt 87%, đến năm 2020 dự kiến đạt 90% (*dự kiến đạt chỉ tiêu đề ra*).

+ Số cán bộ, công chức đạt trình độ sau đại học năm 2019 đạt 5,3%; đến năm 2020 dự kiến đạt 6% (*dự kiến đạt chỉ tiêu đề ra*).

+ Hiện nay đội ngũ cán bộ, công chức thành phố cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển, có đủ trình độ, năng lực, phẩm chất chính trị, cơ cấu đồng bộ, hợp lý (*Đạt chỉ tiêu đề ra*).

## **2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực**

### **2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, quan tâm của xã hội đối với đào tạo, phát triển nguồn nhân lực**

- Thành phố đã triển khai, chỉ đạo thực hiện Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, viên chức theo tiêu chuẩn chức danh. Xây dựng, thực hiện các cơ chế, chính sách, chế độ đãi ngộ thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn thu hút nhân tài với sử dụng đội ngũ cán bộ.

- Chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy; các phòng, ban, ngành thành phố xây dựng đề án vị trí việc làm. Đối với khối Đảng, đoàn thể, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phê duyệt tạm thời VTVL, cơ cấu ngạch công chức thuộc cơ quan khối đảng, đoàn thể thành phố Uông Bí. Đối với khối chính quyền UBND tỉnh đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm cho 100% các phòng, ban, đơn vị trực thuộc UBND thành phố<sup>2</sup>. Đến nay, 100% cán bộ, công chức, viên chức được bố trí theo tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm đã được phê duyệt.

### **2.2. Tăng cường chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực**

*Việc thực hiện Đề án quy hoạch phát triển nhân lực giai đoạn 2014-2020, tầm nhìn đến 2030:* Thành phố đã xây dựng và phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Uông Bí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030<sup>3</sup> tại Quyết định số 6083/QĐ-UBND ngày 10/9/2015. Sau khi phê duyệt Đề án, ngày 23/4/2016 Ủy ban nhân dân thành phố đã tổ chức Hội nghị công bố các quy hoạch chiến lược của thành phố và Xúc tiến đầu tư năm 2016 (*trong đó có Quy hoạch nguồn nhân lực*); triển khai đến các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, phường trên địa bàn để tổ chức thực hiện; đồng thời thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Uông Bí đến năm 2020, tầm nhìn

<sup>2</sup>Quyết định số 5295/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh phê duyệt danh mục VTVL, cơ cấu ngạch công chức, trình độ chuyên môn của VTVL các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố; Quyết định số 5297/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh phê duyệt danh mục VTVL, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và trình độ chuyên môn từng VTVL của các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố; Quyết định số 3157/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh phê duyệt danh mục VTVL của các đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên thuộc UBND thành phố Uông Bí.

<sup>3</sup> Quyết định số 6083/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 của UBND thành phố.

đến năm 2030<sup>4</sup>. Tuy nhiên thực hiện Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh “v/v bãi bỏ 12 quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”; thành phố Uông Bí đã ban hành Quyết định số 10037/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 “v/v bãi bỏ 04 quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn thành phố Uông Bí”, trong đó có Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Uông Bí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Ban Thường vụ Thành ủy Uông Bí đã ban hành quy chế quản lý tổ chức và cán bộ<sup>5</sup>, ban hành Quy chế làm việc của các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy. Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố nhiệm kỳ 2016-2021<sup>6</sup>; đã rà soát ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của 21 phòng, ban, đơn vị.

### **2.3. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho CBCCCVC được thành phố quan tâm thực hiện. Ngoài việc đăng ký các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch chung của tỉnh, Thành phố đã chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị hàng năm trực tiếp tổ chức bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại đơn vị để nắm rõ về quy trình, nghiệp vụ trong thực hiện nhiệm vụ. 100% cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo đã được cử đi học về lý luận chính trị.

Việc cử cán bộ, công chức cấp xã tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do tỉnh tổ chức được thành phố quan tâm triển khai thực hiện. Tổng số cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng từ năm 2015 đến năm 2019 là 202 người.

*(Biểu số 03 kèm theo)*

### **2.4. Nâng cao chất lượng của các cơ sở giáo dục và đào tạo**

- Thành phố đã chỉ đạo phòng Giáo dục và Đào tạo tích cực thực hiện công tác tuyên truyền, định hướng phân luồng học sinh sau THCS, nâng cao tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT, học nghề thông qua các hoạt động hướng nghiệp; phối hợp với Sở GD&ĐT, Trung tâm GDNN và GDTX thành phố, các trường dạy nghề trên địa bàn tổ chức hội nghị tư vấn tuyển sinh vào THPT, học nghề để nâng cao hiệu quả phân luồng<sup>7</sup>. Hỗ trợ, tạo điều kiện đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông làm cơ sở nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của thành phố<sup>8</sup>; Tích cực hỗ trợ về nguồn lực, quỹ đất và đội ngũ cán bộ, giáo viên để trường quốc tế Stephen Hawking đi vào hoạt động ổn định. Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng trên địa bàn (*Đại học Hạ Long, Đại học Ngoại*

<sup>4</sup> Quyết định số 3866/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND thành phố Uông Bí.

<sup>5</sup> Quyết định số 646-QĐ/TU ngày 24/5/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố.

<sup>6</sup> Quyết định số 3543/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND thành phố Uông Bí.

<sup>7</sup> Tỷ lệ học sinh 6 tuổi vào lớp 1, học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào lớp 6 luôn đạt 100%; học sinh tốt nghiệp THCS vào trung học phổ thông và học nghề đạt trên 95%.

<sup>8</sup> Thành phố có 03 trường dạy học theo mô hình VNEN: Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, Tiểu học Phương Đông A, Trường thực hành sư phạm); có 28 phòng học ngoại ngữ tại các trường học; Thành phố tạo điều kiện cho 05 trung tâm ngoại ngữ phát triển; đội ngũ giáo viên đạt chuẩn = 100%, trên chuẩn chiếm 82%.

*Thương cơ sở Quảng Ninh, Cao đẳng Công nghiệp và xây dựng...)* tổ chức cho sinh viên thực tập rèn nghề tại các doanh nghiệp trên địa bàn. Nguồn nhân lực của thành phố đã có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng, chuyển dịch lao động ngành nông nghiệp sang lao động ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ<sup>9</sup>.

- Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện hệ thống cơ sở giáo dục để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập và đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Thành phố đã rà soát, sắp xếp lại hệ thống các trường học công lập thuộc thành phố quản lý gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả, duy trì bền vững kết quả phổ cập giáo dục<sup>10</sup>. Chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, không để xảy ra tình trạng lạm thu trong các nhà trường; việc chấn chỉnh dạy thêm, học thêm được thực hiện nghiêm túc. Hàng năm hoàn thành nhiệm vụ năm học với kết quả đứng trong top đầu các huyện, thị xã, thành phố của Tỉnh; duy trì và nâng cao chất lượng chuẩn quốc gia, chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học; chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn; Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; 100% trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6. Giữ vững 100% trường mầm non, Tiểu học, THCS và THPT công lập đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ trường học mầm non, tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 cuối nhiệm kỳ 2015-2020 đạt 85,7%, vượt 28,6% so với nhiệm kỳ 2010-2015.

## **2.5. Xã hội hóa công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực**

- Việc huy động các nguồn lực xã hội hóa đầu tư nâng cao cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng: Năm 2015, thực hiện văn bản số 2386/UBND-XD1 ngày 05/5/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh về Danh mục dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư trên địa bàn tỉnh; thành phố Ưông Bí đã triển khai thực hiện 05 dự án với tổng mức đầu tư 479.491 triệu đồng, có 04 dự án đưa vào sử dụng, 01 dự án đang thi công<sup>11</sup>.

- Từ năm 2015 đến 2019, Thành phố đã giải quyết việc làm cho 22.017 lượt người lao động. Hằng năm tạo việc làm mới cho từ 4.240 - 4.500 lao động. Đã tổ chức được 15 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn với 476 người tham gia học nghề. Việc thu hút các nhà đầu tư thực hiện các dự án về lĩnh vực giáo dục - đào tạo theo hình thức đối tác công - tư (PPP) được triển khai linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế địa phương<sup>12</sup>. Duy trì quản lý và nâng cao chất lượng công tác giáo dục cộng

<sup>9</sup>Năm 2015, số lượng lao động khu vực 1: 14.520 người; khu vực 2: 29.845 người; khu vực 3: 15.835 người; đến năm 2019 số lượng lao động khu vực 1: 13.789 người; khu vực 2: 33.965 người; khu vực 3: 22.075 người.

<sup>10</sup> Thành phố đã tiếp nhận Trung tâm Giáo dục thường xuyên từ Sở Giáo dục và Đào tạo về trực thuộc UBND thành phố từ tháng 7/2015. Đến tháng 01/2016, trên cơ sở bổ sung thêm nhiệm vụ dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên được đổi tên thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Năm học 2015-2016 đã thực hiện tinh giản 05 điểm trường. Sáp nhập trường Tiểu học Bạch Đằng với trường THCS Nam Khê thành Trường TH và THCS Nam Khê từ ngày 01/9/2019; sáp nhập trường Tiểu học Lê Hồng Phong với trường tiểu học Lê Văn Tám thành trường Tiểu học Lê Hồng Phong từ ngày 01/12/2019.

<sup>11</sup> Trường mầm non Hoa Mai Vàng với tổng mức đầu tư 16.497 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước tham gia 8.705 triệu đồng (Công ty Cổ phần Công nghiệp Trường Phúc, thực hiện theo hình thức O&M); Chợ Thanh Sơn với tổng mức đầu tư 32.383 triệu đồng (DNTN Thanh Thảo thực hiện theo hình thức thuê đất 50 năm); Chợ Phương Nam với tổng mức đầu tư 9.961 triệu đồng (Nhà máy cơ khí Quang Trung ủng hộ và các hộ tiểu thương đóng góp xây dựng); Bến xe và khu dịch vụ du lịch Yên Tử (Bến xe quay đầu dốc Hạ kiệu Yên Tử và mở rộng bến xe qua đầu) với tổng mức đầu tư 120.650 triệu đồng (Cty CP phát triển Tùng Lâm, thực hiện theo hình thức thuê đất). Trung tâm dịch vụ thương mại văn hóa thể dục thể thao tại Hồ Công Viên với tổng mức đầu tư 300.000 triệu đồng (Công ty TNHH Đức Phú thực hiện theo hình thức thuê đất), dự án đang thi công.

<sup>12</sup> Trường Mầm non Hoa Mai Vàng đi vào hoạt động từ năm 2015, bước đầu cho hiệu quả khả quan. Triển khai các bước xây dựng các trường chất lượng cao ở các cấp học tại phường Trung Vương; phường Phương Đông, phường Yên

đồng tại 10/10 phường, xã; Công tác hỗ trợ các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề trên địa bàn được quan tâm, nhất là các thủ tục pháp lý về đất đai, xây dựng, đảm bảo an ninh trật tự. Quan tâm kiện toàn về đội ngũ cán bộ, giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng, đa dạng loại hình đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về đào tạo nguồn nhân lực cho thành phố, cho tỉnh...

- *Thực hiện liên kết vùng, hợp tác trong nước và quốc tế trong sử dụng lao động:* Thành phố đã tổ chức làm việc với 14 tổ chức, nhà đầu tư, doanh nghiệp trong nước; 10 tổ chức, nhà đầu tư, doanh nghiệp nước ngoài; duy trì chương trình gặp gỡ doanh nghiệp định kỳ theo tháng của lãnh đạo thành phố đã được tổ chức thành nề nếp từ năm 2016, qua đó các doanh nghiệp được trao đổi trực tiếp những vướng mắc, hạn chế trong quá trình thực hiện; nắm bắt tình hình hoạt động cơ quan hành chính, các vướng mắc cần tháo gỡ để kịp thời chỉ đạo, điều hành giải quyết những vướng mắc của doanh nghiệp. Quyết định phê duyệt Đề án “*Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Uông Bí đến năm 2020*”. Hỗ trợ đối với các đối tượng chính sách, dân tộc thiểu số và cơ chế tín dụng cho học sinh, sinh viên là con em người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn được vay để học một số nghề trọng điểm cấp độ quốc gia, khu vực, quốc tế đúng quy định hiện hành.

Thành phố thành lập đường dây nóng để thường xuyên tiếp cận các thông tin của doanh nghiệp phản ánh, kịp thời báo cáo lãnh đạo thành phố chỉ đạo, giải quyết<sup>13</sup>.

## **2.6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực**

- Hạ tầng kỹ thuật CNTT các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã, phường đã được UBND thành phố trang bị máy tính có cấu hình cao để đáp ứng yêu cầu phục vụ công việc của cán bộ, công chức, lao động; 100% cán bộ chuyên môn các phòng, ban được trang bị đầy đủ máy tính, máy in, máy scan, đường truyền internet tốc độ cao, phần mềm diệt virus có bản quyền, wifi tốc độ cao và các thiết bị văn phòng khác phục vụ công việc.

- *Triển khai các phần mềm, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu thuộc đề án chính quyền điện tử của Tỉnh:* Được cung cấp tại địa chỉ <http://congchuc.quangninh.gov.vn>. Đây là cổng thông tin phục vụ cán bộ, công chức, cung cấp các ứng dụng quản lý văn bản; một cửa điện tử, cấp phép trong các lĩnh vực: Xây dựng, đất đai, môi trường, văn hóa và thông tin, hộ nghèo, hộ chính sách, cổng dịch vụ công trực tuyến và đặc biệt là báo cáo thống kê, báo cáo chuyên đề phân tích, dự báo chuyên sâu, trực quan phục vụ cho lãnh đạo thành phố.

- *Hệ thống thư điện tử công vụ, chữ ký số:* Ủy ban nhân dân thành phố đã thường xuyên phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin - Sở thông tin và Truyền thông định kỳ rà soát thư điện tử 03 tháng/lần, thường xuyên đôn đốc các

---

Thanh, Phương Nam; năm 2019, hỗ trợ tạo điều kiện cho trường TH&THCS Quốc tế Stephen Hawking đi vào hoạt động; tạo điều kiện cho các Trung tâm ngoại ngữ trên địa bàn hoạt động.

<sup>13</sup> Thành phố đã xây dựng Website liên kết với trang thông tin điện tử của tỉnh, thành phố để quảng bá về điều kiện làm việc và cơ chế thu hút lao động với địa chỉ: [uongbi.gon.vn](http://uongbi.gon.vn) được công bố từ ngày 23/4/2016. Thành lập Tổ công tác hoạt động xúc tiến đầu tư trên địa bàn thành phố giai đoạn 2016-2020 (thành lập từ ngày 25/4/2016).

phòng, ban ngành thành phố sử dụng thư điện tử công vụ, thường xuyên đề nghị Trung tâm công nghệ thông tin, Sở Thông tin và Truyền thông reset hòm thư điện tử công vụ không truy cập được và đề nghị hủy bỏ những hòm thư công vụ của cán bộ đã về hưu hoặc chuyên công tác. UBND thành phố đã cấp được 354 hòm thư công vụ (trừ bộ phận bảo vệ, lái xe và một số bộ phận đặc thù riêng không có nhu cầu sử dụng thư điện tử) và 38 chứng thư số cho phòng, ban, đơn vị thành phố và 218 chữ ký số cá nhân để phục vụ trao đổi văn bản qua môi trường mạng. Đến nay các phòng, ban, ngành thành phố và UBND các xã, phường đều áp dụng chứng thư số tổ chức và chữ ký số cá nhân để trao đổi văn bản điện tử và giao dịch chứng từ với cơ quan thuế, kho bạc nhà nước.

- *Hệ thống truyền hình trực tuyến*: Thực hiện tốt các chương trình truyền hình trực tuyến phục vụ các cuộc họp giữa Thành phố với Tỉnh và 10/10 xã phường cũng như trực tuyến tiếp dân định kỳ, ngoài ra ngành giáo dục thành phố cũng được trang bị 01 hệ thống trực tuyến 12 điểm cầu để phục vụ họp trực tuyến trong ngành; ngoài ra ngành giáo dục cũng triển khai 01 hệ thống trực tuyến kết nối 12 điểm trường trên địa bàn thành phố. Hằng năm thành phố triển khai hơn 100 hội nghị trực tuyến; Đường truyền cơ bản đáp ứng được yêu cầu về tốc độ và an ninh thông tin.

- *Sử dụng các phần mềm, CSDL cơ bản*: Thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020, Ủy ban nhân dân thành phố đã từng bước triển khai áp dụng nhiều phần mềm quản lý nhà nước áp dụng vào các phòng, ban chuyên môn của thành phố như: phần mềm quản lý giao việc của Văn phòng HĐND&UBND thành phố; Phần mềm quản lý tài sản cố định, phần mềm tabmis, phần mềm quản lý tài chính - kế toán của phòng TCKH, phần mềm quản lý dự án đầu tư xây dựng, phần mềm sơ sở quản lý dữ liệu đất đai ELIS, phần mềm Microtasion của phòng TNMT, phần mềm quản lý văn bản của tỉnh, phần mềm quản lý đối tượng chính sách, trẻ em của phòng LĐTBXH, phần mềm quản lý hộ tịch của phòng Tư pháp, phần mềm quản lý du lịch của phòng Văn hóa và Thông tin; Phần mềm quản lý nhân sự EPMIS, số liệu thống kê giáo dục EMIS online; hệ thống thông tin phổ cập giáo dục- xóa mù chữ phòng Giáo dục và Đào tạo, phần mềm kế toán, thống kê của UBND các xã, phường...

#### *Về nguồn nhân lực công nghệ thông tin*

\*) *Khỏi các cơ quan hành chính thành phố* - Các phòng, ban, ngành thành phố và UBND các xã, phường đều phân công cán bộ phụ trách công nghệ thông tin; thành phố đã ban hành Quyết định thành lập đội ứng cứu sự cố thành phố Ông Bí năm 2019. 100% cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin tốt để phục vụ công việc (soạn thảo văn bản, sử dụng phần mềm chính quyền điện tử, khai thác Internet); 100% cán bộ công chức xã, phường có trình độ tin học văn phòng trình độ A, B, C trở lên.

#### \*) *Nguồn nhân lực CNTT trong xã hội*

- Theo số liệu phổ cập và số học sinh các trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố: Tiểu học:  $9/16 = 56\%$  trường tiểu học có giảng dạy môn tin học; Trung học cơ sở:

12/12 = 100% trường trung học có giảng dạy môn tin học; Trung học phổ thông và Giáo dục thường xuyên: 5/5=100% trường có giảng dạy môn tin học.

- *Ứng dụng công nghệ thông tin*: Trung tâm Hành chính công thành phố đang sử dụng các phần mềm: Một cửa điện tử; quản lý văn bản; bốc số thứ tự; tra cứu mã số hồ sơ; cấp giấy phép xây dựng; cấp giấy phép đăng ký kinh doanh; Hệ thống thông tin cấp phép lĩnh vực đất đai; Hệ thống thông tin hộ chính sách, Hệ thống thông tin hộ nghèo; tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lĩnh vực Bảo hiểm xã hội, Phần mềm quản lý tài sản, phần mềm ELIS; trang bị máy POS thanh toán các khoản phí, lệ phí cho công dân, sử dụng biên lai điện tử thay biên lai giấy.

- *Hạ tầng công nghệ thông tin*: Hệ thống mạng (LAN) nội bộ: tốc độ download, upload tối đa có thể đạt được: 100Mbps/100Mbps, Mạng Wan: 50Mbps, wifi internet công dân: tốc độ download, upload tối đa có thể đạt được: 6.144Kbps/640Kbps.

Các trang thiết bị, hạ tầng thông tin cơ bản đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính và xây dựng CQĐT; thực hiện luân chuyển hồ sơ qua phần mềm một cửa điện tử và khả năng cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

### **III. Đánh giá chung**

- *Ưu điểm*: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác cải cách hành chính và phát triển nguồn nhân lực được cấp ủy, chính quyền các cấp từ thành phố đến cơ sở quan tâm, chú trọng. Các chỉ tiêu, mục tiêu cơ bản đạt yêu cầu đề ra, tổ chức bộ máy hành chính nhà nước được rà soát, sắp xếp theo hướng tinh gọn, công tác tuyển dụng và giải quyết các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện đúng, kịp thời; Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được chú trọng; Kỷ luật, kỷ cương hành chính được nâng cao trong quá trình thực thi công vụ. Công nghệ thông tin được ứng dụng mạnh mẽ trong công tác quản lý nhà nước được thực hiện đồng bộ từ thành phố đến cấp xã, phường. Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 (nay là ISO 9001:2015) tiếp tục được duy trì. Công tác khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao được chỉ đạo rà soát chặt chẽ. Hằng năm, thống kê số lượng người có nhu cầu học có tay nghề cao và xây dựng kế hoạch dạy nghề cho những năm tiếp theo bám sát nhu cầu học nghề của người lao động và định hướng phát triển kinh tế của địa phương. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác đào tạo nghề của thành phố.

- *Tồn tại, hạn chế*: Công tác huy động các nguồn lực xã hội hóa để đầu tư nâng cao cơ sở vật chất còn hạn chế; Một số xã, phường chưa quan tâm gắn dạy nghề với giải quyết việc làm, chọn ngành nghề đào tạo chưa phù hợp với nhu cầu thực tế nên sau đào tạo vẫn còn tình trạng chưa tìm được việc làm phù hợp; Các trường Cao đẳng, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố dù được quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề từ ngân sách Trung ương, ngân sách Tỉnh chưa đồng bộ đã ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề. Cơ sở vật chất trang thiết bị và giáo viên còn thiếu chưa đáp ứng việc giảng dạy; Công tác phân luồng học sinh sau THCS chưa triệt để; cơ cấu lao động trong các ngành nghề, lĩnh vực chưa hợp lý; chất lượng đào tạo nghề chưa cao.

- **Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:** Công tác tuyên truyền về CCHC và phát triển nguồn nhân lực nói chung, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao nói riêng đã được quan tâm nhưng hình thức, nội dung tuyên truyền chưa phong phú, đa dạng, công tác tuyên truyền chưa thường xuyên. Một số cơ quan, đơn vị chưa vào cuộc một cách quyết liệt, chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra; một số cán bộ, công chức, viên chức chưa thực sự quan tâm đúng mức về phát triển nguồn nhân lực nói chung và nguồn nhân lực cao nói riêng. Nguồn lực để đầu tư cho công tác CCHC, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao còn hạn chế.

#### **IV. Phương hướng, đề xuất các kiến nghị, giải pháp đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2020 – 2025**

(1)- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; tập trung khắc phục những tồn tại hạn chế; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy địa phương và thủ trưởng các đơn vị trong việc thực hiện đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

(2)- Tiếp tục xác định quan điểm phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ quan trọng xuyên suốt, là một trong ba khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Các cơ quan, đơn vị quan tâm xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhân lực đồng thời lồng ghép các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển nhân lực, cải cách hành chính vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm. Phát triển nguồn nhân lực gắn với đào tạo lại, đào tạo thường xuyên lực lượng lao động theo chỉ đạo của tỉnh. Giữ vững và tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học; Chủ động phối hợp, tạo điều kiện cho các trường đại học, cao đẳng và đào tạo nghề trên địa bàn hoạt động có hiệu quả, đào tạo nghề theo cơ chế thị trường, gắn đào tạo của các trường với các doanh nghiệp. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để phân đầu tư Ưông Bí trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Quảng Ninh.

(3)- Ưu tiên dành nguồn lực thỏa đáng đầu tư cho giáo dục - đào tạo với quan điểm đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển. Tiếp tục thu hút đầu tư bằng nguồn xã hội hóa và huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách để đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở giáo dục đào tạo một cách đồng bộ từ cơ sở vật chất đến trang thiết bị thực hành theo hướng gắn với nhu cầu của xã hội. Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thuộc các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư, hỗ trợ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông.

(4)- Đẩy mạnh công tác phân luồng, hướng nghiệp, đào tạo theo nhu cầu xã hội, đặc biệt chú trọng phân luồng học sinh sau THCS, định hướng nghề nghiệp cho học sinh THPT chọn ngành nghề phù hợp với khả năng, sở trường của mình và nhu cầu lao động của xã hội. Tăng cường sự phối hợp giữa chính quyền các cấp, cơ

sở đào tạo với đơn vị sử dụng lao động trong thu thập thông tin làm cơ sở dự báo nhu cầu, đào tạo và sử dụng lao động.

(5)- Đẩy mạnh cải cách hành chính với yêu cầu cao hơn, thực chất hơn, toàn diện hơn gắn với trách nhiệm cụ thể của người đứng đầu các cấp, các ngành; rà soát, đơn giản hóa, chi phí thời gian; tăng số lượng thủ tục hành chính thực hiện đủ "5 bước" tại Trung tâm Hành chính công thành phố; nâng cao chất lượng phục vụ gắn với tăng số lượng cung cấp và tỷ lệ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4; Triển khai thực hiện các giải pháp cụ thể để nâng cao các chỉ số PAPI, SIPAS, DGI và chỉ số ứng dụng CNTT (ICT) trên địa bàn. Triển khai có hiệu quả Đề án thành phố thông minh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2017-2020 và Đề án đô thị thông minh của thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh Quảng Ninh (b/c);
- Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh (b/c);
- TT Thành ủy, HĐND thành phố (b/c);
- CT, các PCT thành phố;
- Các phòng, ban, đơn vị;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Thành**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN  
NGUỒN NHÂN LỰC TỈNH QUẢNG NINH GIAI ĐOẠN 2015-2020**  
(Kèm theo Báo cáo số 290/BC-UBND ngày 06/ 4/2020 của UBND thành phố Uông Bí)



TT	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện (Từ năm 2015 ước đến hết năm 2020)			Đơn vị báo cáo
		Tổng số (Người)	Số lượng đã được đào tạo, bồi dưỡng (Lượt)	Tỷ lệ %	
<b>I</b>	<b>Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo Quyết định số 1996/QĐ-UBND</b>				
<b>I.1</b>	<b>Đào tạo</b>				
1	CB,CC đương chức và dự nguồn quy hoạch các chức danh lãnh đạo chủ chốt của các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, các đoàn thể tỉnh, các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh - Đạt trình độ chuyên môn sau đại học - Đạt trình độ Cao cấp lý luận chính trị				Các cơ quan, đơn vị, địa phương
2	CB,CC đương chức và dự nguồn quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp phòng và tương đương của các cơ quan Đảng, đoàn thể, chính - Đạt trình độ chuyên môn sau đại học - Đạt trình độ từ Trung cấp lý luận chính trị trở lên Trong đó, tỷ lệ có trình độ cao cấp, cử nhân				Các cơ quan, đơn vị, địa phương
<b>3</b>	<b>Cán bộ chủ chốt cấp xã</b>				Các địa phương
3.1	Đối với vùng đô thị Đạt trình độ đại học trở lên				

TT	Chi tiêu	Kết quả thực hiện (Từ năm 2015 ước đến hết năm 2020)			Đơn vị báo cáo
		Tổng số (Người)	Số lượng đã được đào tạo, bồi dưỡng (Lượt)	Tỷ lệ %	
	Trình độ Trung cấp lý luận chính trị (trong đó 40% trình độ cao cấp, cử nhân)				
3.2	Đổi với vùng đồng bào, miền núi				
	Đại trình độ đại học trở lên				
	Trình độ Trung cấp lý luận chính trị (trong đó 30% trình độ cao cấp, cử nhân)				
3.3	Đổi với vùng khó khăn				
	Đại trình độ đại học trở lên				
	Trình độ Trung cấp lý luận chính trị (trong đó 25% trình độ cao cấp, cử nhân)				
<b>1.2</b>	<b>Bồi dưỡng</b>				
1	CB,CC đương chức và dự nguồn quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp phòng được bồi dưỡng ở nước ngoài	59	5	8%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
2	Cán bộ chủ chốt cấp xã được bồi dưỡng về kiến thức QLNN	58	61	105%	
3	Tỷ lệ Cán bộ chủ chốt cấp xã được bồi dưỡng ngoài ngữ trình độ A	58	10	17%	
	- Vùng đô thị				
	- Vùng đồng bằng, miền núi				
<b>II</b>	<b>Bồi dưỡng quản trị hành chính công, quản lý ngành, lĩnh vực cho cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan Đảng, đoàn thể, cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh cấp huyện</b>				Các cơ quan, đơn vị, địa phương
1	Bồi dưỡng ở trong nước	142	142	100%	
2	Bồi dưỡng ở nước ngoài	142	10	7%	



TT	Chi tiêu	Kết quả thực hiện (Từ năm 2015 ước đến hết năm 2020)			Đơn vị báo cáo
		Tổng số (Người)	Số lượng đã được đào tạo, bồi dưỡng (Lượt)	Tỷ lệ %	
III	Bồi dưỡng kỹ năng quản lý, lãnh đạo, kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ trình độ ngoại ngữ, tin học cho người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp	-			Các cơ quan, đơn vị, địa phương
1	Bồi dưỡng ở trong nước	11	11	100%	
2	Bồi dưỡng ở nước ngoài	11			
IV	<b>Đào tạo ở nước ngoài</b>	-			Các cơ quan, đơn vị, địa phương
1	Tiến sĩ (ghi rõ chuyên ngành)	-			
2	Thạc sĩ (ghi rõ chuyên ngành)	-			
V	<b>Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề cho viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp</b>	-			Các cơ quan, đơn vị, địa phương
1	Bồi dưỡng ở trong nước	1273	1273	100%	
2	Bồi dưỡng ở nước ngoài				
VI	<b>Bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài cho cán bộ, công chức cấp xã</b>	-			Các địa phương



TT	Đối tượng	Tiêu chí	Tổng số CB,CC,VC	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Ước tính thực hiện năm 2020	Kế hoạch đến năm 2025
1.1.1	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo điện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý		6	6	6	6	6	6	6	30
1.1.2	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo điện địa phương quản lý		159	159	159	159	159	159	159	795
1.2	Cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý		1192	876	896	902	916	923	920	4600
<b>2</b>	<b>Đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài</b>									
2.1	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý		6	2	2	10	1	1	4	20
2.1.1	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo điện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý		6	2	2	4	1	1	4	20
2.1.2	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo điện địa phương quản lý					6	1			
2.2	Cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý									
<b>II</b>	<b>Cấp xã</b>		<b>202</b>	<b>224</b>	<b>242</b>	<b>235</b>	<b>236</b>	<b>232</b>	<b>232</b>	<b>232</b>
<b>1</b>	<b>Đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước</b>		<b>202</b>	<b>44</b>	<b>37</b>	<b>18</b>	<b>34</b>	<b>40</b>	<b>29</b>	<b>145</b>
1.1	Cán bộ		89	19	16	4	19	15	16	80
1.2	Công chức		113	25	21	14	15	25	13	65
<b>2</b>	<b>Đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài</b>									
2.1	Cán bộ							1	1	10
2.2	Công chức									

Ghi chú: Số liệu báo cáo được tính tại thời điểm ngày 31/12 hàng năm; Riêng năm 2020: Ước thực hiện cả năm 2020